

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY LẮP VIỆN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
đã được kiểm toán

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 20



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Thay mặt Ban Giám đốc**

---

**Diệp Minh Thơ**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 03 năm 2011

Số : ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông được lập ngày 15 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Thị Lan**  
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

---

**Cao Thị Hồng Nga**  
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>40,986,483,976</b>	<b>31,086,181,938</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>1,497,276,457</b>	<b>1,775,406,389</b>
1. Tiền	111	V.1	1,497,276,457	1,775,406,389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>13,211,072,445</b>	<b>10,464,739,923</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	8,689,163,978	5,831,039,411
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	909,218,909	1,021,010,954
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,612,689,558	3,612,689,558
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.5	<b>22,963,699,195</b>	<b>15,932,227,743</b>
1. Hàng tồn kho	141		22,963,699,195	15,932,227,743
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>3,314,435,879</b>	<b>2,913,807,883</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		672,062,872	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	2,642,373,007	2,913,807,883
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>8,595,743,184</b>	<b>11,106,965,902</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>621,528,981</b>	<b>115,729,785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	621,528,981	115,729,785
- Nguyên giá	222		748,015,868	195,388,700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126,486,887)	(79,658,915)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240	V.8	<b>7,908,522,728</b>	-
- Nguyên giá	241		8,163,636,364	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(255,113,636)	-

<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.9	<b>651,000</b>	<b>10,964,300,000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		651,000	10,964,300,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>65,040,475</b>	<b>26,936,117</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	669,842
2. Tài sản dài hạn khác	268		65,040,475	26,266,275
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49,582,227,160</b>	<b>42,193,147,840</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>5,031,988,520</b>	<b>15,375,633,104</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>4,998,683,520</b>	<b>15,353,088,104</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	4,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.11	-	5,659,724,796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	979,542,891	1,095,316,137
4. Phải trả người lao động	315		85,402,404	738,589,975
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	3,601,053,000	3,620,361,511
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		332,685,225	239,095,685
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>33,305,000</b>	<b>22,545,000</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		33,305,000	22,545,000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>44,550,238,640</b>	<b>26,817,514,736</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.14	<b>44,550,238,640</b>	<b>26,817,514,736</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	412		-	(17,065,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		923,542,299	677,168,371
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		559,814,461	378,615,148
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,066,881,880	2,826,731,217
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49,582,227,160</b>	<b>42,193,147,840</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Phượng

Diệp Minh Thor



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>26,917,435,920</b>	<b>19,921,866,579</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>26,917,435,920</b>	<b>19,921,866,579</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>19,830,326,448</b>	<b>14,293,737,664</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7,087,109,472</b>	<b>5,628,128,915</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,664,649,267	1,647,162,243
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	360,000,000	992,950,000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>360,000,000</i>	<i>992,950,000</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,634,336,456	2,602,978,745
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4,757,422,283</b>	<b>3,679,362,413</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		7,950,080	30,507,095
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(7,950,080)</b>	<b>(30,507,095)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4,749,472,203</b>	<b>3,648,855,318</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	1,148,348,986	648,079,462
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3,601,123,217</b>	<b>3,000,775,856</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.6	<b>1,434</b>	<b>1,149</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

\_\_\_\_\_

**Nguyễn Thị Kim Phượng**

\_\_\_\_\_

**Diệp Minh Thơ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2011

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>4,749,472,203</b>	<b>3,648,855,318</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		301,941,608	34,685,722
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,664,649,267)	(1,647,120,491)
- Chi phí lãi vay	06		360,000,000	992,950,000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>3,746,764,544</b>	<b>3,029,370,549</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,575,510,807)	(10,003,833,208)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,031,471,452)	(5,115,546,393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6,817,307,839)	(4,781,475,222)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		669,842	669,841
- Tiền lãi vay đã trả	13		(360,000,000)	(992,950,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(827,834,411)	(710,773,735)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		112,990,021	1,838,071,573
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(751,264,565)	(1,859,811,672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(14,502,964,667)</b>	<b>(18,596,278,267)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8,716,263,532)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(7,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
			10,963,649,000	27,958,000,000

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,664,649,267	1,647,120,491
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3,912,034,735</b>	<b>22,105,120,491</b>

### **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17,065,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(15,575,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	4,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,000,000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,752,200,000)	(2,293,500,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10,312,800,000</b>	<b>(13,868,500,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(278,129,932)</b>	<b>(10,359,657,776)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1,775,406,389</b>	<b>12,135,064,165</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1,497,276,457</b>	<b>1,775,406,389</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Phượng

Diệp Minh Thơ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2011

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2010

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lập Viễn Đông được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2006. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 05 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại số 232 (phòng 302), Đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ thiết kế, xây lắp

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Lập dự án đầu tư; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Lập dự toán công trình
- Thiết kế phần thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông trong công trình dân dụng và công trình công nghiệp
- Mua bán hàng điện, điện lạnh, điện tử, kim khí máy, cáp đồng, cáp quang, thiết bị - vật liệu ngành bưu chính viễn thông – tin học; Mua bán vật liệu xây dựng, ống nhựa, nhựa đường
- Đại lý ký gởi hàng hóa
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông – tin học, hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp
- Thẩm tra thiết kế
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng
- Tư vấn đấu thầu
- Xây dựng công trình cầu đường, công trình giao thông, công trình cấp thoát nước
- Nạo vét cống rãnh
- Tái lập mặt đường
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị cơ giới
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)
- Trồng cây lâu năm; Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở)
- Chuẩn bị mặt bằng
- Xây dựng công trình kỹ thuật công nghiệp.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

07 năm  
05 - 07 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Tiền mặt	226.059.180	38.085.035
Tiền gửi ngân hàng	1.271.217.277	1.737.321.354
<b>Cộng</b>	<b>1.497.276.457</b>	<b>1.775.406.389</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>2. Phải thu khách hàng</b>	<b>12/31/2010</b> VND	<b>01/01/2010</b> VND
	204,106,271	
Công ty Cổ phần Viễn Liên		1,456,991,528
Công ty Điện Thoại Đông Thành Phố	6,675,742,439	3,399,488,191
Công ty Điện Thoại Tây Thành Phố	1,095,870,461 713,444,807	-
Khách hàng khác		974,559,692
<b>Cộng</b>	<b>8,689,163,978</b>	<b>5,831,039,411</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>12/31/2010</b> VND	<b>01/01/2010</b> VND
	25,000,000	
Công ty tư vấn ISO		25,000,000
Công ty Cổ Phần Phú Mỹ Yên	-	600,000,000
Công ty TNHH CK Xây Dựng Bảo Tín	334,218,909	209,079,947
Công ty CP TV-ĐT-XD Kiến Việt	550,000,000	-
Phải thu các khách hàng khác	-	186,931,007
<b>Cộng</b>	<b>909,218,909</b>	<b>1,021,010,954</b>
<b>4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>12/31/2010</b> VND	<b>01/01/2010</b> VND
Phải thu tiền góp vốn mua đất	3,600,000,000	3,600,000,000
Phải thu khác	12,689,558	12,689,558
<b>Cộng</b>	<b>3,612,689,558</b>	<b>3,612,689,558</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>	<b>12/31/2010</b> VND	<b>01/01/2010</b> VND
Nguyên liệu, vật liệu	22,000,000	22,000,000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21,736,906,027	14,742,921,223
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công trình xây lắp</i>	<i>11,559,686,993</i>	<i>14,522,440,356</i>
<i>Dịch vụ tư vấn thiết kế</i>	<i>169,831,380</i>	<i>220,480,867</i>
<i>Dự án đất Phú Quốc</i>	<i>10,007,387,654</i>	<i>-</i>

Hàng hoá	1,204,793,168	1,167,306,520
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>22,963,699,195</b>	<b>15,932,227,743</b>
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	VND	VND
Các khoản tạm ứng (*)	1,974,373,079	2,856,031,866
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	667,999,928	57,776,017
<b>Cộng</b>	<b>2,642,373,007</b>	<b>2,913,807,883</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*) Là khoản tạm ứng cho các công trình xây dựng, trong đó:

<b>Đối tượng</b>	<b>12/31/2010</b> VND	<b>01/01/2010</b> VND
Trương Anh Tuấn	412,694,801	874,064,700
Lê Đình Khoa	365,119,650	678,251,810
Phạm Huỳnh Tấn Đạt	302,798,363	540,315,356
Lê Minh Bằng	-	467,000,000
Lê Long Hải	726,560,265	3,000,000
Các đối tượng khác	167,200,000	293,400,000
<b>Cộng</b>	<b>1,974,373,079</b>	<b>2,856,031,866</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính:*  
VND

	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Thiết bị dụng cụ, quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	22,000,000	173,388,700	195,388,700
Mua trong năm	275,454,550	277,172,618	552,627,168
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>297,454,550</b>	<b>450,561,318</b>	<b>748,015,868</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6,809,524	72,849,391	79,658,915
Khấu hao trong năm	10,779,221	36,048,751	46,827,972
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17,588,745</b>	<b>108,898,142</b>	<b>126,486,887</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15,190,476	100,539,309	115,729,785
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>279,865,805</b>	<b>341,663,176</b>	<b>621,528,981</b>

**8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính:*  
VND

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá</b>	-	<b>8,163,636,364</b>	-	<b>8,163,636,364</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	-	8,163,636,364	-	8,163,636,364
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	<b>255,113,636</b>	-	<b>255,113,636</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	-	255,113,636	-	255,113,636
<b>Giá trị còn lại</b>	-	<b>7,908,522,728</b>	-	<b>7,908,522,728</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	-	7,908,522,728	-	7,908,522,728

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>9.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		VND	VND
		651,000	
	- Đầu tư cổ phiếu		9,464,300,000
	+ Công ty Cổ phần Viễn Liên	651,000	9,464,300,000
		-	
	- Đầu tư dài hạn khác (góp vốn kinh doanh)		1,500,000,000
	<b>Cộng</b>	<b>651,000</b>	<b>10,964,300,000</b>
<b>10.</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		VND	VND
		-	
	Vay ngắn hạn		4,000,000,000
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4,000,000,000</b>
<b>11.</b>	<b>Phải trả người bán</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		VND	VND
	Công ty CP Cấp Sài Gòn	-	3,225,037,156
	Công ty CP Viễn Liên	-	1,068,913,560
	Công ty CP vật tư bưu điện	-	1,365,714,080
	Phải trả các nhà cung cấp khác	-	60,000
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5,659,724,796</b>
<b>12.</b>	<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		VND	VND
		-	
	Thuế giá trị gia tăng		446,944,449
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	973,932,779	648,079,462
	Thuế thu nhập cá nhân	5,610,112	292,226
	<b>Cộng</b>	<b>979,542,891</b>	<b>1,095,316,137</b>
<b>13.</b>	<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>12/31/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		VND	VND

Kinh phí công đoàn	768,000	6,111,000
Bảo hiểm xã hội	285,000	6,714,000
Bảo hiểm y tế	-	7,536,511
Phải trả tiền góp vốn mua đất cho các nhà đầu tư	3,600,000,000	3,600,000,000
<b>Cộng</b>	<b>3,601,053,000</b>	<b>3,620,361,511</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	40,000,000,000	(1,490,000,000)	597,106,447	298,553,224	2,439,703,058
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3,000,775,856
Trích lập các quỹ	-	-	80,061,924	80,061,924	(160,123,848)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(160,123,849)
Chi cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(2,293,500,000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(15,575,000,000)	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>(17,065,000,000)</b>	<b>677,168,371</b>	<b>378,615,148</b>	<b>2,826,731,217</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3,601,123,217
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(246,373,928)
Tạm trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	246,373,928	-	(246,373,928)

Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	181,199,313	(181,199,313)	
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	(181,199,313)	
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2,752,200,000)	
	-	17,065,000,000	-	-	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>923,542,299</b>	<b>559,814,461</b>	<b>3,066,881,880</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	12/31/2010 VND	%	1/1/2010 VND	%
<b>Cộng</b>				

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	40,000,000,000	40,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40,000,000,000	40,000,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	2,752,200,000	2,293,500,000

**b) Cổ phiếu**

	12/31/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,000,000	4,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,000,000	4,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,000,000	4,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1,706,500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1,706,500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,000,000	2,293,500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,000,000	2,293,500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26,917,435,920</b>	<b>19,921,866,579</b>

Trong đó:		
Doanh thu công trình xây lắp	24,425,991,199	17,367,969,943
Doanh thu dịch vụ tư vấn	1,759,260,721	1,674,734,463
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	292,500,000	-
Doanh thu khác	439,684,000	879,162,173
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn công trình xây lắp	18,362,168,182	14,293,737,664
Giá vốn công trình thiết kế	829,211,278	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	255,113,636	-
Giá vốn khác	383,833,352	-
<b>Cộng</b>	<b>19,830,326,448</b>	<b>14,293,737,664</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi	54,353,267	54,157,520
Lãi đầu tư cổ phiếu	948,881,000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	161,415,000	-
Lãi cho vay ngắn hạn	500,000,000	1,592,962,971
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	41,752
<b>Cộng</b>	<b>1,664,649,267</b>	<b>1,647,162,243</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền vay	360,000,000	992,950,000
<b>Cộng</b>	<b>360,000,000</b>	<b>992,950,000</b>
<b>5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<b>Năm nay</b> VND	<b>Năm trước</b> VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,749,472,203	3,648,855,318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(156,076,258)	54,455,895
- Các khoản điều chỉnh tăng	5,338,742	54,455,895
- Các khoản điều chỉnh giảm	161,415,000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	4,593,395,945	3,703,311,213
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,148,348,986	925,827,803
Thuế TNDN được giảm 30% theo thông tư 03/2009/TT-BTC	-	277,748,341
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1,148,348,986</b>	<b>648,079,462</b>
<b>6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b> VND	<b>Năm trước</b> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,601,123,217	3,000,775,856
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,601,123,217	3,000,775,856
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2,510,570	2,610,890
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,434</b>	<b>1,149</b>
<b>7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b> VND	<b>Năm trước</b> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,824,107,672	11,071,693,212
Chi phí nhân công	8,388,781,102	5,890,957,918

Chi phí khấu hao tài sản cố định	301,941,608	34,685,722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,959,883,155	1,266,751,413
Chi phí khác bằng tiền	989,949,367	1,203,086,500
<b>Cộng</b>	<b>23,464,662,904</b>	<b>19,467,174,765</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Số liệu tại ngày 31/12/2009</b>	<b>Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại)</b>	<b>Chênh lệch</b>
Nợ ngắn hạn	15,113,992,419	15,353,088,104	239,095,685
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	239,095,685	239,095,685
Vốn chủ sở hữu	27,056,610,421	26,817,514,736	(239,095,685)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	239,095,685	-	(239,095,685)
<b>Người lập biểu</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>
_____	_____		_____
	<b>Nguyễn Thị Kim Phượng</b>		<b>Diệp Minh Thor</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2011